

DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC KHÓA 2021 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025 (DỰ KIẾN)

** Sinh viên lưu ý đây là kết quả dự kiến, kết quả chính thức có thể sẽ có thay đổi, cập nhật sau thời gian sinh viên khiếu nại!*

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	21110249	Lê Hồng Cát	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	21110280	Đoàn Thị Kỳ Duyên	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	21110283	Đàm Thị Hà	9,83	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	21110301	Nguyễn Minh Hùng	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	21110345	Trần Thành Nam	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	21110427	Trương Quốc Trung	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	21110436	Thái Đỗ Anh Tuấn	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	21110461	Lâm Nhật Quân	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	21120015	Trần Nam Khánh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
10	21120037	Mã Thùy Anh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
11	21120058	Phạm Nhật Duy	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
12	21120105	Trương Thành Nhân	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	21120107	Nguyễn Minh Nhật	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
14	21120111	Phan Lê Đắc Phú	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
15	21120123	Lê Thanh Thái Quảng	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	21120132	Lê Hình Nhựt Thanh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	21120260	Hồ Duy Khang	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
18	21120314	Hồ Lê Minh Quân	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	21120336	Nguyễn Phương Thảo	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	21120507	Trần Trọng Nghĩa	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	21120577	Huỳnh Công Triết	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	21130001	Tân Mai Hương	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
23	21130027	Lê Quốc Duy	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
24	21130114	Lê Hữu Bảo	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
25	21130214	Nguyễn Anh Nguyên	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
26	21130244	Ngô Hữu Quyền	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
27	21130331	Nguyễn Bình Yên	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Vật lý học
28	21140010	Nguyễn Quốc Trung	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
29	21140126	Đỗ Nghiêm Thế Trung	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
30	21140195	Lâm Vũ Kha	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
31	21140294	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
32	21140328	Trương Hoài Bảo	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
33	21140335	Võ Việt Cường	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
34	21140381	Nguyễn Thoại Ngân	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Hóa học
35	21150031	Dur Nhất Đoan	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Sinh học
36	21150127	Huỳnh Nguyễn Gia Vinh	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Sinh học
37	21150234	Phạm Minh Khương	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Sinh học
38	21150302	Đặng Minh Phúc	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Sinh học
39	21150341	Nguyễn Thanh Thảo	9,41	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Sinh học
40	21150386	Lê Trần Thảo Vy	9,12	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Sinh học
41	21160007	Lê Thị Kiều Chính	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Địa chất học
42	21170084	Dương Thị Trà Giang	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học môi trường
43	21170155	Lê Minh Quang	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học môi trường
44	21170157	Đặng Thị Kim Quy	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học môi trường
45	21180145	Nguyễn Trần Tường Vy	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
46	21180268	Lý Thành Danh	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
47	21180283	Phùng Minh Hải	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
48	21180301	Trịnh Gia Khánh	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
49	21180307	Lê Thị Kim Liên	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
50	21180329	Nguyễn Thị Thu Ngân	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
51	21180337	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Công nghệ sinh học
52	21190071	Phạm Thanh Hoa	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu
53	21190121	Trương Ngọc Nhi	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu
54	21190122	Ngô Thị Huỳnh Như	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	5	9.120.000	Khoa học vật liệu
55	21200009	Nguyễn Xuân Hoàng	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
56	21200144	Cao Văn Nam	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
57	21200196	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
58	21200197	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
59	21200218	Nguyễn Minh Thiện	9,46	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
60	21200249	Hoàng Hữu Tú	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
61	21210034	Lê Thị Phương Thảo	9,4	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.672.000	5	8.360.000	Hải dương học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
62	21220041	Nguyễn Thị Mai Phương	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
63	21220136	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
64	21230002	Phạm Hà Minh Hạnh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Kỹ thuật hạt nhân
65	21250051	Trương Văn Danh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Công nghệ vật liệu
66	21260089	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Vật lý Y khoa
67	21270013	Phan Phước Sang	9,2	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	1.804.000	5	9.020.000	Kỹ thuật địa chất
68	21280096	Nguyễn Lưu Phương Ngọc Lam	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Khoa học dữ liệu
69	21280107	Phạm Duy Sơn	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	1.968.000	5	9.840.000	Khoa học dữ liệu